

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3204/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 24/8/2022  
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. THỦ ĐỨC, TP. HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Công Tình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Bùi Thị Phụng
2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

**- Thư ký Tòa án:** Ông Lê Hoàng Quân, là Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Lê Quang Đạo – kiểm sát viên.

Trong ngày 24/8/2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức (trụ sở 3) – địa chỉ: 18 đường số 6, khu phố 5, phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1098/TB-TLVA ngày 29/4/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4319/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 5236/2022/QĐST-DS ngày 29/7/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt)  
Địa chỉ: 85/1 đường số x, khu phố y, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh
2. *Bị đơn:* Ông Đinh Hữu L, sinh năm 1980 (vắng mặt)  
Địa chỉ: 85/1 đường số x, khu phố y, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đinh Hữu L tự nguyện tìm hiểu, tiến tới hôn nhân vào năm 2006 có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An ngày 19/6/2006. Sau khi tiến tới hôn nhân vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn đó là: Vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân; vì vậy bà xác định tình cảm với ông L không còn nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Tên Đinh Hữu L1, sinh ngày 17/8/2007 và Đinh Thị Khánh L2, sinh ngày 21/12/2016; hiện nay do ông L đang trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Sau khi ly hôn bà H có nguyện vọng tiếp tục giao cho ông L được nuôi con. Bà H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

*Bị đơn ông Đinh Hữu L (vắng mặt không có lời khai)*

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn không chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa theo đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án. Bị đơn ông Đinh Hữu L cư trú tại địa chỉ 85/1 đường số x, khu phố y, phường L, thành phố T; nên thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức; được pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp. Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện; bà Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Đinh Hữu L, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về ly hôn”, là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Tại phiên tòa (xét xử vụ án lần thứ hai) bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.4]. Bị đơn ông Đinh Hữu L. Đã được Tòa án thông báo về việc bị khởi kiện, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý; giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng ông L không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không có lý do, coi như đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông L là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 19/2006 quyền số 01 ngày 19/6/2006 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An; thì quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông L là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận; trong quá trình giải quyết vụ án ông L vắng mặt, nên Tòa án không thể làm rõ giữa bà H và ông L có những mâu thuẫn gì; tuy nhiên ông L không đến tòa để giải quyết coi như từ bỏ yêu cầu đoàn tụ gia đình; vì vậy nếu kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc, mục

đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông L là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Tên Đinh Hữu L1, sinh ngày 17/8/2007 và Đinh Thị Khánh L2, sinh ngày 21/12/2016; bà H cho biết hiện nay do ông L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; sau khi ly hôn bà H có nguyện vọng tiếp tục giao cho ông L nuôi dưỡng. Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 13/6/2022 trẻ Đinh Hữu L1 có nguyện vọng được ở với mẹ; tuy nhiên để không làm ảnh hưởng đến môi trường sống và phát triển của trẻ; nên tiếp tục giao hai (02) người con chung cho ông L được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với sự phát triển của trẻ.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4]. Về tài sản chung: Bà H khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét

[2.5]. Về nợ chung: Bà H khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị H phải chịu.

***Vì các lẽ trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Áp dụng:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

***Tuyên xử:***

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H tại phiên tòa sơ thẩm cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Hữu L (giấy chứng nhận kết hôn số 19/2006 quyển số 01 ngày 19/6/2006 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An không còn giá trị pháp lý).

- Về nuôi con chung: Giao 02 (hai) người con chung tên Đinh Hữu L1, sinh ngày 17/8/2007 và Đinh Thị Khánh L2, sinh ngày 21/12/2016 cho ông L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng

- Về cấp dưỡng: Bà H không cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Không có
- Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị H phải chịu, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0026835 ngày 27/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

4. Quyền yêu cầu thi hành án. “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các 6; 7; 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)”/.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
  - Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
  - Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
  - CC Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
  - Các đương sự
  - Ủy ban nhân dân xã T,
- huyện Y, tỉnh Nghệ An;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Lê Công Tình**

